

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 44/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31/3/2022

“Vợ ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đăng Huy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang.

Ông Nguyễn Đức Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Minh Hiền - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Bùi Thị Hậu - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 266/2021/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 11 năm 2021, về việc: “Ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 3 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Anh **Lê Văn T**, sinh năm 1993.

Địa chỉ cư trú: Thôn L, xã K, huyện K, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt.

- Bị đơn: Chị **A**, sinh ngày 25/5/1999; Quốc tịch: Nhật Bản.

Địa chỉ: Higashi Asakayama, quận Kita, thành phố Saika, Osaka, Nhật Bản. Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền về việc giao nhận văn bản tố tụng: Anh **Đinh Trần Nhật M**, sinh năm 1991. Địa chỉ: tòa nhà D, đường K, phường N, quận B, Hà Nội. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn anh Lê Văn T trình bày: Anh và chị A quen nhau tại Nhật Bản. Chị A là người Nhật Bản. Anh và chị A đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 14/5/2021 tại Nhật Bản theo Giấy chứng nhận thụ lý hồ sơ số 0000004179. Ngày 05/7/2021, anh chị đã được UBND huyện K, tỉnh Hải Dương cấp Trích lục ghi chú kết hôn số 02/2021/TLGCKH. Sau khi kết hôn, anh và chị A phát sinh mâu thuẫn về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, cũng như không thống nhất

được về việc cùng chung sống với nhau dẫn tới mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã cố gắng hoà giải nhưng không đạt được thống nhất về quan hệ hôn nhân. Hiện anh và chị A đã ly thân, không còn tình cảm. Nay anh T nghị tòa án tỉnh Hải Dương giải quyết cho anh ly hôn chị A.

Về con chung: Anh và chị A không có con chung nên anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về tài sản, nợ chung: Anh và chị A không có nên anh T không yêu cầu tòa án giải quyết.

Tại Bản tường trình, Giấy ủy quyền, Đơn xin không hòa giải do chị A gửi về từ Nhật Bản đều có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Chị A xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị nhất trí ly hôn. Về con chung và tài sản, nợ chung: chị A xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do chị A đang ở nước ngoài nên xin xét xử vắng mặt và chị ủy quyền cho anh Đinh Trần Nhật M giao nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án và các vấn đề khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án và chị đề nghị tòa án không tiến hành hòa giải, đề nghị Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại biên bản lấy lời khai anh M xác định nhất trí nhận sự ủy quyền của chị A về việc giao nhận các văn bản tố tụng tại Tòa án và các vấn đề khác có liên quan đến việc giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Sau khi nhận các văn bản tố tụng của Tòa án, anh đã thông báo cho chị A biết, chị A vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm: Về việc tuân theo pháp luật. Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên, bị đơn đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS). Về việc giải quyết vụ án. Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh Lê Văn T ly hôn chị A. Anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và xem xét ý kiến của các đương sự, quan điểm đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn anh Lê Văn T sinh sống tại Việt Nam, chị A là người Nhật Bản, hiện đang sinh sống tại Nhật Bản. Do vậy, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền. Mặc dù, chị A không về Việt Nam tham gia tố tụng nhưng chị đã gửi các tài liệu gồm: Bản tường trình,

Giấy ủy quyền, Đơn xin không hòa giải do chị A gửi về từ Nhật Bản đều có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền. Do vậy khẳng định đúng ý chí, quan điểm của chị A. Quá trình giải quyết vụ án, cả anh T, chị A và người đại diện theo ủy quyền anh M đều đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải, mở phiên họp công khai chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử sớm hơn thời gian đã ấn định tại thông báo về việc thụ lý vụ án. Do vậy, Tòa án đã tiến hành mở phiên họp công khai chứng cứ cũng như ra quyết định đưa vụ án ra xét xử sớm hơn thời gian đã ấn định tại thông báo thụ lý vụ án. Các đương sự đều đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị A quen nhau tại Nhật Bản. Chị A là người Nhật Bản. Anh chị đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 14/5/2021 tại Nhật Bản theo Giấy chứng nhận thụ lý hồ sơ số 0000004179. Ngày 05/7/2021, anh chị đã được UBND huyện K, tỉnh Hải Dương cấp Trích lục ghi chú kết hôn số 02/2021/TLGCKH, là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, anh chị phát sinh mâu thuẫn về ngôn ngữ, phong tục, tập quán, cũng như không thống nhất được về việc cùng chung sống với nhau dẫn tới mục đích hôn nhân không đạt được. Anh chị đã cố gắng hoà giải nhưng không đạt được thống nhất về quan hệ hôn nhân. Hiện anh T và chị A đã ly thân, không còn tình cảm. Nay anh T và chị A cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn, nên đều đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn. HĐXX xét thấy, mâu thuẫn vợ chồng giữa anh T và chị A đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy, cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện, xử cho anh Lê Văn T ly hôn chị A là phù hợp với quy định tại Điều 51 và 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ nuôi con: Anh T và chị A đều xác định không có con chung, không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Anh T và chị A đều xác định không có, không yêu cầu tòa án giải quyết nên HĐXX không xét.

[3] Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì những lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh **Lê Văn T** ly hôn chị **A**.

2. Về án phí: Anh Lê Văn T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về Hôn nhân gia đình) và được đối trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) đã nộp theo biên lai thu số AA/2020/0004601 ngày 24 tháng 11 năm 2021 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương.

3. Về quyền kháng cáo: Anh Lê Văn T được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Chị A được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND huyện K, tỉnh Hải Dương;
- Lưu HS, Tòa, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Đăng Huy